

ẢNH HƯỞNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐẾN SINH KẾ BỀN VỮNG TRONG ĐỜI SỐNG ĐỒNG BÀO NGƯỜI CƠ TU Ở TỈNH QUẢNG NAM

Lê Thu Huyền, Võ Thị Thanh Thúy

Phân viên Học viên Hành chính Quốc gia khu vực miền Trung
lethuhuyen2005@gmail.com, thanhthuydhv.edu@gmail.com

TÓM TẮT— Biến đổi khí hậu là một trong những thách thức lớn của nhân loại hiện nay. Việt Nam được đánh giá là một quốc gia chịu tác động nặng nề nhất của biến đổi khí hậu, đặc biệt là nước biển dâng, các hiện tượng thời tiết cực đoan như hạn hán, bão lũ... trong đó vùng đồng bào dân tộc thiểu số thường bị ảnh hưởng nặng nề nhất. Bài viết này đi vào phân tích những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sinh kế bền vững trong đời sống đồng bào người Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm giúp đồng bào có thể thích ứng trước những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

Từ khóa— sinh kế bền vững, biến đổi khí hậu, người Cơ Tu, Quảng Nam.

I. GIỚI THIỆU

Việt Nam đang đối mặt với nguy cơ cao về thiên tai và biến đổi khí hậu. Ước tính mỗi năm Việt Nam tổn thất trung bình 2,37 tỉ USD do thiên tai, đặc biệt là lũ lụt [1]. Tác động của đại dịch Covid-19 cũng đem đến những ảnh hưởng nghiêm trọng cho đời sống kinh tế-xã hội của người dân, đặc biệt là đối với đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS), những người sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Người dân khu vực này đang đối mặt với thách thức từ biến đổi khí hậu mang lại đến cơ sở hạ tầng nguồn nước và giao thông bị phân tán và có chất lượng thấp. Nhiều cộng đồng DTTS bị cô lập trong mùa mưa, bị chia cắt bởi các tuyến đường ngập lụt nằm trên địa hình đồi núi. Việc tiếp cận nước hạn chế và điều kiện vệ sinh kém sẽ dẫn tới tỉ lệ bệnh lây truyền qua đường nước và tỉ lệ đói nghèo cao.

Quảng Nam có dân số 1.499.626 người, gồm 93,6% là dân tộc Kinh (Việt) và gần 6,4% là các dân tộc ít người [2, tr.2]. Trong số các dân tộc ít người sinh sống ở Quảng Nam, người Cơ Tu chiếm hơn 3,2% với 55.091 người [3]. Quảng Nam là tỉnh nằm trong số những tỉnh bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi biến đổi khí hậu. Chỉ riêng năm 2020, tỉnh Quảng Nam đã phải chịu thiệt hại nặng nề về người và tài sản ước tính lên đến trên 11.000 tỷ đồng do mưa bão gây ra [4]. Khoảng 55% hộ DTTS ở Quảng Nam là hộ nghèo và cận nghèo, so với tỉ lệ hộ nghèo của các tỉnh này lần lượt là 5,5% và 10,3%; dưới 60% các hộ gia đình DTTS trong khu vực được sử dụng nguồn nước sạch và an toàn. Mặc dù đã được đầu tư nhưng còn thiếu nhiều nguồn lực và chưa đồng bộ, vùng đồng bào DTTS của Quảng Nam đang rất cần kết nối, mở rộng hệ thống giao thông, điện lưới quốc gia và các công trình thủy lợi để phát triển sản xuất.

Chính vì vậy, nghiên cứu về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sinh kế bền vững cho đồng bào người Cơ Tu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam có ý nghĩa rất quan trọng. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở khoa học giúp cơ quan quản lý địa phương xây dựng các chương trình thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, góp phần giúp đồng bào Cơ Tu sinh sống trên các khu vực miền núi của tỉnh có thể chủ động đối phó, thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo sinh kế bền vững.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VIỆT NAM

Theo đánh giá hằng năm về những nước chịu ảnh hưởng nặng nhất bởi các hiện tượng thời tiết cực đoan giai đoạn 1997-2016, Việt Nam đứng thứ 5 về Chỉ số rủi ro khí hậu toàn cầu năm 2018 và thứ 8 về Chỉ số rủi ro khí hậu dài hạn [5]. Điều này cản trở việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam, cụ thể:

Thứ nhất: ảnh hưởng đến mục tiêu chấm dứt nghèo.

Những năm gần đây, do biến đổi khí hậu, Việt Nam thường xuyên xuất hiện hiện tượng thời tiết cực đoan, như: bão, hạn hán, giông, lốc, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất..., tàn phá nghiêm trọng cây lương thực và tài sản của người dân; đồng thời, gây khó khăn trong quá trình trồng lúa và các cây lương thực, gia tăng chi phí cho sản xuất nông nghiệp, kéo theo hệ lụy về nghèo đói gia tăng. Tổng hợp thiệt hại do thiên tai năm 2019 của cả nước cho thấy, diện tích cây lương thực bị ảnh hưởng là 40.017ha. Năm 2020, thiệt hại lên tới 209.378ha [5]. Điều này cho thấy, thiệt hại do thiên tai năm 2020 lớn hơn nhiều so với năm 2019. Sau những đợt thiên tai, bão lũ, nhiều hộ gia đình đã rơi vào cảnh nợ nần, thiếu đói; đồng thời, tỷ lệ tái nghèo diễn ra mạnh hơn.

Thứ hai: ảnh hưởng đến cơ hội học tập của người dân.

Báo cáo của Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) ngày 20/8/2021 cho thấy, thanh, thiếu niên Việt Nam là một trong những nhóm đối tượng có nguy cơ cao trước các tác động của biến đổi khí hậu [6]. Trong phân tích này,

các quốc gia được xếp hạng dựa trên nguy cơ rủi ro của trẻ em trước các cú sốc về khí hậu và môi trường, chẳng hạn như lốc xoáy và các đợt nắng nóng; cũng như mức độ dễ bị tổn thương của trẻ em trước các cú sốc, dựa trên khả năng tiếp cận các dịch vụ thiết yếu của trẻ em. Điều này đe dọa đến sức khỏe, giáo dục và sự an toàn của các em.

Tại Việt Nam, sau những trận mưa, bão, lũ, lụt, phần lớn cơ sở vật chất, các trang thiết bị giảng dạy nhiều trường, lớp bị hư hỏng, nên nhiều học sinh không thể đến trường hoặc phải học chậm hơn.

Thứ ba: ảnh hưởng tới mục tiêu bình đẳng giới, tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái.

Biến đổi khí hậu gây ra những tác động khác nhau đối với phụ nữ và nam giới. Các nghiên cứu cho thấy, khoảng 80% số người chịu các tác động tiêu cực của tình trạng biến đổi khí hậu là phụ nữ. Các nhà nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, số phụ nữ và trẻ em tử vong bởi các thảm họa thiên nhiên cao hơn 14 lần so với nam giới [7]. Biến đổi khí hậu tác động lên cuộc sống và sinh kế của người dân theo những cách thức khác nhau và phụ nữ luôn được coi là một trong những đối tượng dễ bị tổn thương nhất do biến đổi khí hậu. Trên thực tế, biến đổi khí hậu có thể làm tồi tệ thêm sự bất bình đẳng giới, tạo thêm gánh nặng cho phụ nữ. Báo cáo thảo luận chính sách của Liên hợp quốc và Oxfam [8] khẳng định, nhiều thiên tai xảy ra do biến đổi khí hậu dẫn đến di cư tăng lên ở Việt Nam. Phụ nữ di cư thường kiếm được việc làm ít hơn nam giới và nếu họ ở lại khi các thành viên khác trong gia đình di cư thì họ sẽ phải gánh vác trách nhiệm của nam giới. Một tình trạng phổ biến khác là nam giới trong gia đình thường làm việc xa nhà, nên khi thiên tai tàn phá thì phụ nữ buộc phải gánh vác hầu hết các hậu quả của rủi ro thiên tai.

Sinh kế của người nghèo, trong đó có nhiều phụ nữ và trẻ em nông thôn, phụ thuộc vào khai thác tự nhiên, sản xuất nông nghiệp, đánh bắt hải sản gần bờ. Cuộc sống của họ phụ thuộc khá nhiều vào các hệ sinh thái có sẵn trong tự nhiên. Nhưng biến đổi khí hậu đang làm mất đi nhiều khu rừng tự nhiên, hệ sinh thái và đa dạng sinh học. Điều này ảnh hưởng đến phụ nữ, trẻ em, vốn cuộc sống chủ yếu dựa vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên có sẵn trong tự nhiên. Hơn nữa, phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ nông thôn, thường phải gánh vác nhiều công việc nặng nhọc, đóng vai trò người chủ gia đình và lao động chính ở những nơi khí hậu khắc nghiệt, tài nguyên khan hiếm, các vùng bị nhiều thiên tai, trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng, khiến họ bị giảm cơ hội được giải phóng và bình đẳng.

Thứ tư: ảnh hưởng đến mục tiêu bảo đảm việc làm, ổn định thu nhập.

Biến đổi khí hậu với những biểu hiện bất thường của thời tiết cực đoan đang làm hoang mạc hóa, đất đai bị xói mòn, gia tăng diện tích đất ngập mặn, ngập úng do lũ lụt hoặc hạn hán, làm thiếu đất canh tác, mất đất cư trú, gây ra những thay đổi trong đời sống xã hội và ảnh hưởng tới mục tiêu bảo đảm việc làm bền vững cho tất cả mọi người. Thống kê gần đây cho thấy, do ảnh hưởng biến đổi khí hậu, trong 10 năm trở lại đây, đã có 1,7 triệu người di cư ra khỏi đồng bằng sông Cửu Long vì thiếu đất canh tác, không có việc làm ổn định, tỷ lệ di cư này là gấp hai lần trung bình cả nước [9].

III. ẢNH HƯỞNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ SỰ THÍCH ỨNG TRONG SINH KẾ BỀN VỮNG CỦA NGƯỜI CƠ TU QUẢNG NAM

A. SINH KẾ VÀ SINH KẾ BỀN VỮNG

Năm 1983, trong công trình “Rural development: Putting the last first”, Chambers và Robert chính thức sử dụng khái niệm “sinh kế” (livelihood). Từ đó đến nay, các nhà khoa học và các cơ quan phát triển đã tiếp nhận khái niệm này và cố gắng đưa vào thực thi. Khung phân tích sinh kế bền vững của DFID định nghĩa: “sinh kế bao gồm các khả năng, các tài sản (bao gồm cả các nguồn lực vật chất và xã hội) và các hoạt động cần thiết kiếm sống” [10].

“Sinh kế bền vững” (sustainable livelihood) được Robert Chambers và Gordon Conway (1992) định nghĩa như sau: “Sinh kế bao gồm năng lực, tài sản và các hoạt động kiếm sống. Một sinh kế bền vững là một sinh kế có thể đối phó và phục hồi trước những sức ép và cú sốc, duy trì hoặc nâng cao năng lực, tài sản và cung cấp các cơ hội kiếm sống bền vững cho thế hệ tiếp theo, đóng góp lợi ích vào sinh kế của những người khác tại địa phương và trên toàn cầu trong ngắn và dài hạn” [10].

Khung phân tích sinh kế bền vững của Bộ Phát triển Quốc tế Anh (Department for International Development - DFID) được các học giả và các cơ quan phát triển ứng dụng rộng rãi trong phân tích về sinh kế và đói nghèo. Khung phân tích này đề cập đến các yếu tố hợp thành sinh kế bao gồm: (1) các ưu tiên mà con người thể nhận biết được; (2) các chiến lược mà họ lựa chọn để theo đuổi các ưu tiên đó; (3) các thể chế, chính sách và tổ chức quyết định đến sự tiếp cận của họ đối với các loại tài sản hay cơ hội và các kết quả mà họ thu được; (4) các tiếp cận của họ đối với năm loại vốn và khả năng sử dụng hiệu quả các loại vốn mình có; (5) bối cảnh sống của con người, bao gồm các xu hướng kinh tế, công nghệ, dân số, các cú sốc và mùa vụ [10].

Khung phân tích sinh kế bền vững đề cập đến khái niệm “vốn” (capital), cho rằng có năm loại tài sản vốn, hay hình thức vốn, để bảo đảm an ninh sinh kế hay giảm nghèo, bao gồm:

- *Vốn vật chất* là cơ sở hạ tầng và các loại hàng hóa mà người sản xuất cần để hậu thuẫn sinh kế;
- *Vốn tài chính* ngụ ý về các nguồn lực tài chính mà con người sử dụng để đạt được các mục tiêu sinh kế của mình;
- *Vốn xã hội* là các nguồn lực xã hội mà con người sử dụng để theo đuổi các mục tiêu sinh kế của mình, bao gồm: quan hệ, mạng lưới, thành viên nhóm, niềm tin, sự phụ thuộc lẫn nhau và trao đổi cung cấp các mạng an ninh phi chính thống quan trọng;
- *Vốn con người* đại diện cho các kỹ năng, tri thức, khả năng làm việc và sức khỏe tốt, tất cả cộng lại tạo thành những điều kiện giúp con người theo đuổi các chiến lược sinh kế khác nhau và đạt được các mục tiêu sinh kế. Ở cấp độ hộ gia đình, vốn con người là số lượng và chất lượng lao động của hộ và loại vốn này tùy thuộc vào quy mô của hộ, trình độ giáo dục và kỹ năng nghề nghiệp, khả năng quản lý, tình trạng sức khỏe, tri thức về các cấu trúc sở hữu chính thống và phi chính thống (như các quyền, luật pháp, chuẩn mực, cấu trúc chính quyền, các thủ tục...);
- *Vốn tự nhiên* là tất cả những nguyên vật liệu tự nhiên để tạo dựng sinh kế. Có rất nhiều nguồn lực tạo thành vốn tự nhiên bao gồm cả các nguồn lực đất đai, nước, rừng, đa dạng sinh học, và những nguồn tài nguyên không thể tái tạo được như khoáng sản.

B. SINH KẾ BỀN VỮNG CỦA NGƯỜI CƠ TU Ở QUẢNG NAM

Ở Quảng Nam, người Cơ Tu sống tập trung ở 2 huyện miền núi Đông Giang và Tây Giang thuộc phía Tây của tỉnh. Cuộc sống chủ yếu phụ thuộc vào nguồn tài nguyên thiên nhiên từ rừng. Huyện Đông Giang có diện tích tự nhiên 81.263,23 ha, dân số 23.157 người, trong đó dân tộc Cơ Tu có 16.957 người chiếm 73,23% dân số toàn huyện. Huyện Tây Giang có tổng diện tích tự nhiên 90.296,56 ha, dân số 16.076 người, trong đó người Cơ Tu chiếm đến 95% dân số toàn huyện. Tây Giang cũng là huyện có dân số ít nhất ở Quảng Nam, dân cư sống rất phân tán ở ven suối hoặc trong những khu rừng sâu với tỷ lệ hộ nghèo rất cao lên tới 48% [11].

Người Cơ Tu có tập quán truyền thống đó là quan hệ cộng đồng khá chặt chẽ, sống tự quản dựa vào tập tục, già làng rất được coi trọng. Do cuộc sống gắn bó với thiên nhiên, rừng có vai trò rất quan trọng và là nơi lưu giữ nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt của con người, do vậy mà người Cơ Tu rất chú ý đến bảo vệ rừng đầu nguồn. Từ xa xưa, người Cơ Tu đã có nhiều truyền thuyết, huyền thoại về các khu rừng thiêng hay những loại cây, loài động vật hoang dã được lưu truyền từ đời này sang đời khác. Dần dà những truyền thuyết này đã thần thánh hóa những khu rừng, khiến cho không ai dám xâm phạm. Đây cũng được xem là giải pháp quan trọng trong bảo vệ tài nguyên rừng và nguồn nước rất có hiệu quả của người Cơ Tu từ xưa. Người Cơ Tu quan niệm rừng thiêng (rừng cấm) theo những tích và cách nghĩ khác nhau nhưng với quan niệm chung là nơi có nhiều cổ thụ, có thần linh trú ngụ.

Ngoài rừng thiêng, người Cơ Tu cũng có những sự tích về các loại cây ma như: azil, chpơơ, prong, akir, but, đơng clui... hay các loại cây độc gây chết người: cây chpơơ, cây achul, trâu, lá ngón... Nếu chặt phá các cây này, con ma sẽ về làm hại dân làng, đập phá trên mái nhà nên không ai dám chặt phá. Trước đây, người Cơ Tu rất tin vào các truyền thuyết và thần linh nên mỗi người đều có ý thức bảo vệ những khu rừng cấm, rừng thiêng của cộng đồng; họ không tự ý chặt, đốt các cây cổ thụ như cây đa, chò, lim, sến... Nếu ai chặt phá cây cổ thụ đồng nghĩa với việc phá nhà của thần linh, khi đó thần linh sẽ bắt phạt, dân làng hay bị ốm đau, chết chóc. Để bảo vệ rừng thiêng, người Cơ Tu quy định các hình phạt rất nặng đối với những người chặt phá cây cổ thụ, hình thức nộp phạt thường là lợn, gà, dê, trâu (hoặc bò), rượu... Do vậy, người dân không dám tự ý chặt phá cây cổ thụ trong rừng nên những khu rừng thiêng của người Cơ Tu hiện nay còn được bảo vệ khá tốt.

Đối với các rừng khai thác, mỗi khu rừng đều có chủ riêng để quản lý và được truyền từ đời này sang đời khác theo dòng họ. Đối với người trong làng, muốn có đất để ở, muốn có cây để làm nhà, muốn có nước để uống hay làm bất cứ việc gì liên quan đến rừng đều phải cúng xin con ma có đồng ý hay không. Còn đối với những người từ nơi khác đến muốn có đất làm rẫy phải mua rừng, muốn có nước phải mua đoạn sông, đoạn suối bằng vật có giá trị như con trâu, cái ché xưa, nồi đồng... và nhiều khi phải đồng ý gả con cho con nhà có đất, có rừng.

Về sản xuất, người Cơ Tu có nhiều kinh nghiệm trong xác định thời gian đốt nương làm rẫy, mùa vụ gieo trồng hay thời gian khai thác lấy gỗ rừng thích hợp. Người Cơ Tu có nhiều kinh nghiệm trong nhận biết về đặc tính sinh trưởng, thời vụ gieo trồng và thu hái thích hợp cho từng loại cây trồng. Người Cơ Tu đã xác định lịch gieo trồng thích hợp cho trồng sắn, khoai sọ cho nhiều củ; ngày trồng cà, ớt sẽ sai quả,... Để bảo vệ rừng, người Cơ Tu thường khai thác gỗ vào mùa thu hay mùa đông khi tiết trời khô hạn, các loài cây có tốc độ sinh trưởng chậm, thân chứa ít nước, có độ dẻo cao,... Người Cơ Tu rất ít chặt cây vào mùa xuân hè vì đây là mùa sinh trưởng của cây, thân cây có nhiều nước nên dễ bị mối mọt. Theo truyền thống, người Cơ Tu canh tác nương rẫy theo cách chặt đốt rồi dùng gậy chọc lỗ để tra hạt giống. Nương rẫy của người Cơ Tu thường là đa canh, cứ sau vài vụ sản xuất lại bỏ hoang một thời gian dài cho đất hồi phục trước khi canh tác tiếp.

Là dân tộc ít người sống gắn bó lâu đời với rừng núi, hái lượm săn bắt đóng vai trò quan trọng trong sinh kế của người Cơ Tu. Tuy nhiên, người Cơ Tu vẫn thường quan niệm ở các khu rừng cấm, rừng thiêng đều có thú dữ và ma canh giữ, nếu bắt thú ở rừng đó thì sẽ gây ra những hậu quả xấu cho dân làng, thậm chí có thể ảnh hưởng tới tính mạng con người và vật nuôi. Do vậy người Cơ Tu thường không đi săn bắt thú rừng ở những khu rừng này. Như sự phân công của tự nhiên, trong khi nam giới đảm nhiệm việc săn bắn thì hái lượm chính là ưu thế hàng đầu của phụ nữ Cơ Tu. Các sản phẩm hái lượm trong rừng là các loại rau, củ, quả, một số loại nấm như nấm mối (tri mool), nấm rơm (tri ca), nấm mèo (tri tâ), nấm linh chi (tri cọng),... Hoạt động hái lượm của người thường diễn ra vào các tháng 7, 10 và 11 để tránh mùa sinh trưởng của cây (mùa thu-đông cây cối chậm sinh trưởng). Hay thu hái ngọn lá thì không hái quá mức, hái trụi để cây còn lá để tiếp tục sinh trưởng; với cây lấy củ thì khi lấy củ xong phải trồng lại thân; với cây lấy rễ không được lấy hết bộ rễ để cây còn phát triển... Trong bối cảnh hoạt động kinh tế phụ thuộc rất nhiều vào rừng, thì những tri thức bản địa mà các cộng đồng cư dân địa phương tích lũy được, đã góp phần phát triển kinh tế.

C. SỰ THÍCH ỨNG CỦA ĐỒNG BÀO CƠ TU TRONG SINH KẾ TRƯỚC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Ở Quảng Nam, huyện Tây Giang được xem là địa bàn cư trú chủ yếu của người Cơ Tu với hơn 95% người Cơ Tu sinh sống. Từ ngàn đời xưa, đồng bào Cơ Tu ở huyện Tây Giang (Quảng Nam) đã có ý thức rất cao về công tác bảo vệ môi trường sống của mình, nhất là cánh rừng già, rừng đầu nguồn, khe sông, khe suối... Trong quan niệm của đồng bào Cơ Tu, các khu rừng đều có thần rừng cai quản, nếu xâm hại rừng, rừng sẽ làm dân làng ốm đau, không sinh con đẻ cái được, làng bị dịch bệnh, thiên tai lũ lụt rình rập...và nặng hơn là chịu các hình phạt của làng, đẩy ra khỏi làng nếu không chấp hành tốt. Trong năm 2020, sạt lở, [lũ quét diễn ra rất nghiêm trọng](#), cướp đi tính mạng của nhiều người, làm hư hại công trình hạ tầng, nhà ở, gây thiệt hại hàng trăm tỷ đồng. Trước thực trạng đó, huyện Tây Giang đã đẩy mạnh công tác trồng rừng, phát triển rừng bền vững và trồng được liệu dưới tán rừng để tăng khả năng phòng hộ, giữ đất, giữ nước. Và đây cũng là cách tốt nhất để người dân vừa sản xuất vừa giữ rừng. Chị Zơ râm Thị Lành, ở thôn Ganil, xã Axan, huyện Tây Giang chia sẻ: “Được cán bộ hướng dẫn, chúng tôi đã xử lý thực bì, công cây, đào hố để trồng rừng. Sau khi trồng cây, tôi sẽ thường xuyên theo dõi để kịp thời phát hiện sâu bệnh, trồng dặm ngay đối với cây bị chết, cây yếu, để cây sống tốt, phát triển rừng với mục đích góp phần vào công tác bảo vệ rừng, chống xói mòn, sạt lở đất trên địa bàn” [12].

Tại với các xã Avương, A nông, Bhalêê, Atiêng ... bà con chủ yếu trồng rừng gỗ lớn với cây keo tai tượng. Còn với rừng phòng hộ và rừng trồng thay thế, chủ yếu trồng loại cây có khả năng chống chịu gió bão, sạt lở, giữ đất như lim xanh, giổi xanh... Đây là những loại cây trồng phù hợp với đặc hữu tự nhiên của vùng đất Quảng Nam, vừa mang lại giá trị kinh tế và có giá trị phòng hộ. Phần lớn cây giống rừng được mua có nguồn gốc xuất xứ, có giấy chứng nhận nguồn gốc lô cây con do cơ quan quản lý nhà nước cấp, đảm bảo tiêu chuẩn cây con trồng rừng. Hầu hết diện tích rừng trồng được thực hiện đảm bảo theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt như công tác xử lý thực bì, mật độ trồng, loài cây, đào hố, bón phân.

Kết quả, đến thời điểm 8 tháng đầu năm 2021, huyện Tây Giang đã trồng được 177,71 ha rừng gỗ lớn, 62 ha rừng thay thế và 17 ha rừng phòng hộ. Qua đó vừa góp phần tạo việc làm tại chỗ cho người dân vừa thể hiện trách nhiệm của người dân với công tác bảo vệ và phát triển rừng [12].

Ngoài ra, thực hiện theo định hướng từ Đại hội XIII của Đảng đề ra: “Xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường” [13, tr.117] nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu, Tỉnh ủy Quảng Nam đã quyết liệt đầu tư vào khu vực phía Tây của tỉnh (cũng là nơi sinh sống của đa phần đồng bào DTTS trong đó có người Cơ Tu). Nghị quyết 13-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy Quảng Nam [14] xác định những nhiệm vụ và giải pháp phát triển du lịch phía Tây tỉnh Quảng Nam như: Tập trung bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa đặc trưng của đồng bào dân tộc thiểu số kết hợp với các di tích lịch sử, văn hóa, các giá trị đặc trưng của các làng nghề truyền thống để phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn, du lịch sinh thái, thể thao mạo hiểm, khám phá, nghỉ dưỡng, chữa bệnh...cùng với những văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về quan điểm, định hướng phát triển du lịch xanh thì định hướng phát triển đối với khu vực miền núi của tỉnh cũng sẽ nằm trong quỹ đạo chung của tỉnh. Mặc dù những thách thức từ biến đổi khí hậu chắc chắn là không nhỏ nhưng với sự thay đổi trong tư duy quản lý và trong nhận thức của người dân trong việc chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, chúng ta sẽ có thể hạn chế được những ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống con người.

IV. KẾT LUẬN

Tỉnh Quảng Nam nói chung và vùng sinh sống của đồng bào người Cơ Tu nói riêng ở Quảng Nam thời gian qua đã phải chịu ảnh hưởng rõ rệt từ biến đổi khí hậu. Đời sống của đồng bào Cơ Tu ở Quảng Nam vốn rất khó khăn do địa bàn cư trú ở vùng cao, hiểm trở, khó tiếp cận các dịch vụ an sinh xã hội. Cùng với tác động của biến đổi khí hậu, những rủi ro trong sinh kế của đồng bào ngày càng nhiều.

Trong thời gian tới, để chủ động đối phó với biến đổi khí hậu, bên cạnh sự linh hoạt của đồng bào trong chuyển đổi điều kiện sinh kế cho thích nghi với tình hình mới và nhằm góp phần nâng cao điều kiện sinh kế của đồng bào thì các cấp quản lý và người dân cần có hệ thống các giải pháp như sau:

- Thứ nhất, tỉnh Quảng Nam cần chủ động thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 2139/QĐ-TTg, ngày 05/12/2011; đồng thời, “xây dựng hệ thống và cơ chế giám sát tài nguyên, môi trường và biến đổi khí hậu; dự báo, cảnh báo thiên tai... Huy động, ưu tiên các nguồn lực, thực hiện đồng bộ các giải pháp công trình và phi công trình để bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là môi trường sống của đồng bào Cơ Tu trên các khu vực rừng núi phía Tây của tỉnh.
- Thứ hai thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ rừng, trồng rừng và bảo tồn đa dạng sinh học. Đây là nhiệm vụ thiết yếu cung cấp nguồn sống cho con người, góp phần xóa đói, giảm nghèo, giảm thiểu bất bình đẳng giới trong phát triển, cân bằng sinh thái thiên nhiên trên trái đất và tạo sự thịnh vượng, phát triển bền vững của loài người...
- Thứ ba chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế. Xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, phù hợp với những định hướng lớn được Đại hội XIII của Đảng đề ra: “Xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường” [13, tr.117]. Kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn tìm kiếm lợi nhuận một cách thân thiện với môi trường và được UNEP quan niệm là nền kinh tế vừa mang lại hạnh phúc cho con người, công bằng xã hội, vừa giảm thiểu đáng kể các rủi ro về môi trường và khủng hoảng sinh thái. Thực chất của xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn là làm giảm phát thải các-bon, giảm phát thải nhà kính, tiết kiệm tài nguyên, góp phần làm giảm các xung đột về môi trường. Đồng thời, cần chuyển đổi mô hình phát triển dựa trên hệ sinh thái, tôn trọng các quy luật tự nhiên. Theo đó, chủ động chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phương thức canh tác phù hợp với đặc điểm sinh thái của các vùng và địa phương nhằm chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; chuyển đổi sinh kế, việc làm, bảo đảm an sinh xã hội cho người dân, tăng cường hệ thống bảo hiểm rủi ro trong nông nghiệp, thủy sản, đặc biệt là các khu vực dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Góp phần nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của cơ sở hạ tầng giao thông và cấp nước ở một số địa phương vùng dân tộc thiểu số. Truy xuất tại: <http://dtg.ubdt.gov.vn/tin-tuc/adb-tai-tro-60-trieu-usd-de-cai-thien-co-so-ha-tang-cac-cong-dong-dan-toc-thieu-so-o-viet-nam.htm> , 06:00 PM 28/8/2021.
- [2] Tỉnh ủy Quảng Nam (2014), Báo cáo tổng kết lý luận- thực tiễn “Phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam qua 30 năm đổi mới ở tỉnh Quảng Nam”.
- [3] Nguyễn Công Trường (2021), “Tổ chức làng truyền thống của người Cơ Tu ở Quảng Nam tiếp cận từ tri thức địa phương”, Tạp chí Khoa học trường Đại học Ngoại ngữ -Tin học Thành phố Hồ Chí Minh, Số 6, tr.59-64.
- [4] Quảng Nam tìm giải pháp thích nghi với biến đổi khí hậu. Truy xuất từ: <https://moc.gov.vn/vn/tin-tuc/1184/65989/quang-nam-tim-giai-phap-thich-nghi-voi-bien-doi-khi-hau.aspx>, Thứ ba, 26/01/2021 13:52.
- [5] Nguyễn Thị Hà (2022), “Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với phát triển bền vững ở nước ta hiện nay”, Truy xuất từ: https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/825368/anh-huong-cua-bien-doi-khi-hau-den-phat-trien-ben-vung-o-viet-nam-hien-nay.aspx#, 13:11, ngày 13-05-2022.
- [6] Hà Thanh: “Khoảng 1 tỷ trẻ em đối mặt nguy cơ cực kỳ cao trước khủng hoảng khí hậu”. Truy xuất tại: Báo Tuổi trẻ điện tử, <https://tuoitre.vn/khoang-1-ti-tre-em-doi-mat-nguy-co-cuc-ky-cao-truoc-khung-hoang-khi-hau-20210820185803598.htm>, ngày 20-8-2021.
- [7] Lan Phương: “Hội nghị COP26: Bình đẳng giới để giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu”, Báo Tin tức điện tử, <https://baotintuc.vn/the-gioi/hoi-nghi-cop26-binh-dang-gioi-de-giam-thieu-tac-dong-cua-bien-doi-khi-hau-20211102173601563.htm>, ngày 2-11-2021.
- [8] Mekong Development Research Institute & Oxfam (2022), Báo cáo nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai đến bất bình đẳng đa chiều ở Việt Nam, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
- [9] “Việt Nam chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu để phát triển bền vững”, Báo An ninh Thủ đô điện tử, <https://www.anninhthudo.vn/viet-nam-chu-dong-thich-ung-voi-bien-doi-khi-hau-de-phat-trien-ben-vung-post496159.ant>, ngày 21-2-2022.
- [10] Nguyễn Hồng Hải (2020), “Phát triển mô hình sinh kế bền vững dựa trên tiềm năng tri thức bản địa các dân tộc người thiểu số ở vùng Đông Bắc”. Truy xuất tại:
- [11] <https://hvd.edu.vn/nghien-cuu/nghien-cuu-trao-doi/phat-trien-mo-hinh-sinh-ke-ben-vung-dua-tren-tiem-nang-tri-thuc-ban-dia-cac-toc-nguoi-thieu-so-o-vung-dong-bac>, 29/07/2020.

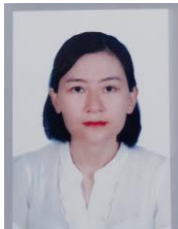
- [12] Nguyễn Xuân Cự và nhóm tác giả (2020), “Tri thức bản địa của dân tộc Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam trong khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường”, Tạp chí *Môi trường*, Số 7.
- [13] Lan Anh (2021), “Người Cơ Tu ở Tây Giang, Quảng Nam trồng rừng ứng phó biến đổi khí hậu”.
- [14] Truy xuất tại: <https://dtg.baotainguyenmoitruong.vn/quang-nam-nguoi-co-tu-o-tay-giang-trong-rung-ung-pho-bien-doi-khi-hau-330981.html>. (18/09/2021, 06:40).
- [15] Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 117.
- [16] “Triển vọng du lịch xanh ở miền núi Quảng Nam”. Truy xuất từ: <https://dangcongsan.vn/kinh-te/bai-5-trien-vong-du-lich-xanh-o-mien-nui-quang-nam-607876.html>, Thứ ba, 12/04/2022 16:04 (GMT+7).

IMPACTS OF CLIMATE CHANGE ON SUSTAINABLE LIVELIHOOD OF THE CO TU PEOPLE IN QUANG NAM PROVINCE

Le Thu Huyen, Vo Thị Thanh Thuy

ABSTRACT— Climate change is one of the great challenges facing humanity today. Vietnam is considered as one of the most heavily affected by climate change, especially from the sea level rise, from extreme weather phenomena such as droughts, storms, floods, etc., in which ethnic minority areas are often the most severely impacted. This article analyzes the effects of climate change on sustainable livelihoods of the Co Tu people in Quang Nam province, thereby proposing some solutions to help Co Tu people adapt to the effects of climate change.

Keywords: sustainable livelihoods, climate change, Co Tu people, Quang Nam



Họ và tên: Lê Thu Huyền
Sinh năm 1986
Giảng viên Phân viện Học viện
Hành chính Quốc gia khu vực miền
Trung
749, Trần Hưng Đạo, TX. Điện Bàn,
Quảng Nam
Trình độ: Tiến sĩ Dân tộc học

Email: lethuhuyen2005@gmail.com
Điện thoại: 0987 469 225



Họ và tên: Võ Thị Thanh Thuý
Sinh năm 1978
Giảng viên Phân viện Học viện
Hành chính Quốc gia khu vực
miền Trung
749, Trần Hưng Đạo, TX. Điện
Bàn, Quảng Nam

Trình độ: ThS. Quản lý giáo dục
Email: thanhthuydhnv.edu@gmail.com
Điện thoại: 0932 400 969